

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 19 - 10 -2022

“Về việc ly hôn ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Châu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thạch Khmau

Ông Thạch Mu Ni

Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tấn Tài, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Xuân, Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 17/2022/TLST–HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 09 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trịnh Thị Thu H, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trang Tam H1, sinh năm 1975.

Địa chỉ: G Kauri S, W, N, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai cùng ngày 25 tháng 05 năm 2022 nguyên đơn chị Trịnh Thị Thu H trình bày và có yêu cầu như sau:

Chị và anh T Tam Hoang có đăng ký kết hôn vào năm 2016 tại Ủy ban nhân dân (UBND) huyện C, tỉnh Trà Vinh theo giấy chứng nhận kết hôn số 05/2016 ngày 04/6/2016. Sau khi kết hôn, chị sống tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh, còn anh Trang Tam H1 thì có đi có về giữa Việt Nam và nước nơi anh H1 sinh sống. Trong thời gian chung sống chị và anh H1 không có con chung, tài sản chung và nợ chung. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn bắt đầu từ năm 2018, do mỗi người sống một nơi, không tìm được tiếng nói chung. Mặc dù có nhiều cố gắng nhưng cả hai cũng không thể tái hợp lại. Nay xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà

Vinh -Việt Nam, xem xét cho chị được ly hôn với anh H1; Về con chung, tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 22 tháng 08 năm 2022 của bị đơn anh T Tam Hoang trình bày và có yêu cầu như sau:

Căn cứ vào đơn yêu cầu ly hôn của chị Trịnh Thị Thu H thì anh thống nhất về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Xét thấy vợ chồng anh cũng đã sống ly thân từ năm 2018, không thể hoà hợp được nên anh cũng thống nhất ly hôn với chị H; Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm cả nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt nên không có ý kiến trình bày thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các chứng cứ tại hồ sơ thể hiện mâu thuẫn giữa chị Trịnh Thị Thu H và anh Trang Tam H1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ vào các Điều 51, 53, 54, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 của Việt Nam đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trịnh Thị Thu H. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Về án phí và chi phí tố tụng khác: Các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phòng nghị án và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Chị Trịnh Thị Thu H và anh T Tam Hoang sau khi kết hôn có sống chung vợ chồng tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh; còn anh Trang Tam H1 thì có đi có về giữa Việt Nam và nước nơi anh H1 sinh sống; việc chị Trịnh Thị Thu H yêu cầu ly hôn với anh T Tam Hoang là quan hệ tranh chấp về “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 39 và Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 của Việt Nam. Chị Trịnh Thị Thu H và anh Trang Tam H1 đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt do không có điều kiện tham gia tố tụng là phù hợp pháp luật với quy định tại khoản

1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 của Việt Nam.

[2] *Về nội dung yêu cầu giải quyết:*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trịnh Thị Thu H và anh Trang Tam H1 tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND huyện C, tỉnh Trà Vinh theo giấy chứng nhận kết hôn số 05/2016 ngày 06/4/2016 đúng theo quy định nên quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh H1 là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 của Việt Nam. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, chăm sóc giúp đỡ nhau, cùng xây dựng gia đình hạnh phúc, nghĩa vụ sống chung với nhau nhưng chị H và anh H1 không thực hiện được là không đáp ứng theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 của Việt Nam; cả chị H và anh H1 đều khẳng định không thể đoàn tụ được, nên Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh H1 không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trịnh Thị Thu H.

[2.2] *Về con chung, tài sản chung, nợ chung:* Chị Trịnh Thị Thu H và anh Trang Tam H1 cùng thống nhất khai không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] *Về án phí:* Theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định “*Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn*”. Do đó, chị Trịnh Thị Thu H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được cân trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Trịnh Thị Thu H đã nộp bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0011662 ngày 08/6/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh, nên không phải nộp tiếp.

[5] *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 207, khoản 1 Điều 228, Điều 469 và Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 và Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Trịnh Thị Thu H.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Trịnh Thị Thu H được ly hôn với anh Trang Tam H1.

2. *Về con chung, tài sản chung, nợ chung*: Chị Trịnh Thị Thu H và anh Trang Tam H1 khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét, giải quyết.

3. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Buộc chị Trịnh Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0011662 ngày 08/6/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh.

4. *Về quyền kháng cáo*: Án xử sơ thẩm công khai vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật; riêng bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh;
- UBND xã An Phú Tân, Cầu Kè
(UBND huyện Cầu Kè)
- Đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Kim Châu